TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 – CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2025/DS-ST
Ngày 16-12-2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản, hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kiều Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phan Minh Sang

Ông Lý Quốc Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Chúc Ni là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 16 tháng 12 năm 2025 tại Tòa án nhân dân khu vực 2 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 105/2025/TLST-DS ngày 25 tháng 3 năm 2025 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản và tranh chấp hợp đồng góp hụi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2025/QĐXX-ST ngày 21 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T; Sinh năm 1960 (có mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp TC, xã TB, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Nay là ấp TC, xã BB, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:*

1. Bà Phan Thanh TTT (TT); Sinh năm 1978 (có mặt)

2. Ông Trương Hoàng Tha (vắng mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp TC, xã TB, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Nay là ấp TC, xã BB, tỉnh Cà Mau.

-*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bà Từ Thị S (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp TC, xã TB, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Nay là ấp TC, xã BB, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện ngày 14/3/2025, biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa bà Nguyễn Thị T trình bày:*

Do quen biết nên bà T và vợ chồng ông Tha, bà TTT có tham gia hợp đồng góp hụi và vay tài sản, cụ thể như sau:

- Dây hụi thứ nhất mở ngày 10/9/2020 (âm lịch), hụi 2.000.000 đồng, gồm 39 chưng, vợ chồng bà TTT tham gia 01 chưng, hốt vào ngày 10/11/2020 (âm lịch) với số tiền 56.200.000 đồng, trừ tiền hoa hồng 1.000.000 đồng. Vợ chồng bà TTT nhận 55.200.000 đồng. Thời gian qua vợ chồng bà TTT thanh toán được 15.200.000 đồng, còn nợ lại 40.000.000 đồng.

- Dây hụi thứ hai mở ngày 01/01/2021 (âm lịch), hụi 2.000.000 đồng, gồm 31 chưng, vợ chồng bà TTT tham gia 01 chưng, hốt vào ngày 01/3/2021 (âm lịch) với số tiền 43.200.000 đồng, trừ tiền hoa hồng 1.000.000 đồng, vợ chồng bà TTT nhận 42.200.000 đồng. Thời gian qua vợ chồng bà TTT thanh toán được 2.200.000 đồng, còn nợ lại 40.000.000 đồng.

Vào ngày 01/01/2022 âm lịch vợ chồng bà TTT, ông Tha có vay của bà T số tiền vốn 20.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 1.500.000 đồng/tháng/20.000.000 đồng.

Đến ngày 06/9/2023 vợ chồng bà TTT, ông Tha viết biên nhận cho bà T với tổng số tiền nợ là 100.000.000 đồng.

Thời gian từ khi vay đến nay vợ chồng bà TTT thanh toán vốn số tiền 1.000.000 đồng, lãi 15.000.000 đồng.

Ngoài ra, bà T có cho bà S và bà TTT mỗi người tham gia ½ chưng hụi mở ngày 10/12/2024 âm lịch, do bà T làm chủ, hụi 2.000.000 đồng, bà TTT đóng hụi được 03 kì với số tiền 2.400.000 đồng và sau đó ngưng không đóng đến nay.

Tại đơn khởi kiện bà T yêu cầu vợ chồng bà TTT, ông Tha có nghĩa vụ thanh toán cho bà T tổng số tiền nợ 100.000.000 đồng nhưng tại phiên tòa bà T yêu cầu vợ chồng bà TTT, ông Tha thanh toán số tiền 83.000.000 đồng theo biên nhận ngày 06/9/2023, số tiền còn lại bà T không yêu cầu thanh toán.

**Tại phiên tòa bà Phan Thanh TTT trình bày:*

Bà TTT thống nhất với phần trình bày của bà T về tổng số tiền nợ hụi và vay tính đến ngày 06/9/2023 vợ chồng bà TTT, ông Tha nợ là 100.000.000 đồng. Thời gian qua, vợ chồng bà TTT đã thanh toán được số tiền vốn 7.000.000 đồng và tham gia chưng hụi mở ngày 10/12/2024 góp được cho bà T số tiền 16.000.000 đồng.

Tại phiên tòa bà TTT thống nhất thanh toán cho bà T số tiền 83.000.000 đồng theo bà T yêu cầu, số tiền còn lại 17.000.000 đồng bà TTT không thống

nhất thanh toán vì bà đã đóng hụi cho bà T được 16.000.000 đồng và trả được 1.000.000 đồng tiền vốn vay. Còn lại 6.000.000 đồng do khi bà TTT trả cho bà T không ai biết và không có giấy tờ nên bà TTT không yêu cầu xem xét và đối trừ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu ông Trương Hoàng Tha và bà Phan Thanh TTT có nghĩa vụ thanh toán nợ vay, hụi nên đây là vụ án dân sự về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi; Ông Tha và bà TTT có địa chỉ cư trú tại ấp TC, xã TC, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau nay là ấp TC, xã BB, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của bà T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án có tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Tha, bà S nhưng ông bà không có văn bản ý kiến và vắng mặt tại lần xét xử không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Tha, bà S theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Tại đơn khởi kiện bà T yêu cầu vợ chồng ông Tha, bà TTT có nghĩa vụ thanh toán tổng số nợ 100.000.000 đồng, trong đó vay là 20.000.000 đồng, hụi 80.000.000 đồng.

[4] Xét thấy tại biên bản hòa giải ngày 14/4/2025 bà TTT thừa nhận việc có nợ tiền hụi và vay của bà T nên hợp đồng vay tài sản, hụi là thực tế có xảy ra. Tuy nhiên bà TTT không thống nhất thanh toán theo yêu cầu của bà T mà chỉ thanh toán cho bà T số tiền 84.000.000 đồng. Tuy nhiên tại biên bản hòa giải ngày 14/4/2025 bà TTT thừa nhận có nợ bà T số tiền hụi 80.000.000 đồng, số tiền vay 20.000.000 đồng và ông Tha có viết biên nhận đề ngày 06/9/2023 cho bà T.

Quá trình giải quyết vụ án ông Tha không có ý kiến về yêu cầu của bà T nhưng tại biên bản hòa giải ngày 14/4/2025 bà TTT thống nhất cùng chồng là ông Tha thanh toán nợ cho bà T.

Đối với hợp đồng góp hụi mở ngày 10/12/2024 bà TTT cho rằng có góp hụi và yêu cầu đối trừ số tiền góp hụi 16.000.000 đồng vào tổng số tiền nợ

100.000.000 đồng mà vợ chồng bà TTT nợ bà T nhưng bà T chỉ thừa nhận bà TTT chỉ góp được số tiền 2.400.000 đồng. Tuy nhiên Tòa án có triệu tập bà TTT và ông Tha nhưng ông bà không có văn bản yêu cầu xem xét và vắng mặt tại các lần hòa giải không có lý do. Tại biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa bà T và bà S không có yêu cầu xem xét giải quyết đối với chưng hụi này nên Hội đồng không xét. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp đối với chưng hụi mở ngày 10/12/2024 thì đương sự có quyền khởi kiện tại vụ án khác.

Tại phiên tòa bà TTT thống nhất cùng ông Tha thanh toán số tiền nợ vay và hụi còn lại theo yêu cầu của bà T là 83.000.000 đồng.

Từ những căn cứ nêu trên buộc ông Tha và bà TTT có nghĩa vụ thanh toán cho bà T tổng số tiền hụi và vay còn nợ lại là 83.000.000 đồng theo biên nhận ngày 06/9/2023 là phù hợp.

[5] Về lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án: Thực hiện theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Tha, bà TTT phải chịu án phí – Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 471 và Điều 468 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc ông Trương Hoàng Tha và bà Phan Thanh TTT có nghĩa thanh toán cho Nguyễn Thị T tổng số tiền nợ là 83.000.000 đ (Tám mươi ba triệu đồng) theo biên nhận ngày 06/9/2023.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của bà Nguyễn Thị T (đối với các khoản tiền phải trả cho người thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng ông Trương Hoàng Tha và

bà Phan Thanh TTT còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trương Hoàng Tha và bà PhanThanh TT phải nộp 4.150.000 đ *(Bốn triệu một trăm năm mươi nghìn đồng)*.

Bà Nguyễn Thị T không phải chịu án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phan Minh Sang – Lý Quốc Cường **Nguyễn Kiều Trang**